TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 589/2024/DS-ST
Ngày: 08/8/2024
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Anh;

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- *Thư ký phiên tòa*: bà Lê Thị Kim Cương, là thư ký Tòa án nhân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa*: ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2024/TLST – DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2024/QĐXXST-DS ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hỷ T D, sinh năm 19jj; Địa chỉ: số ll đường L, Phường gg, Quận k, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn A K, sinh năm 19jj (có đơn xin vắng mặt); Địa chỉ: số nn Lô K, Cư xá T, Phường mn, quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: ông Quách K A, sinh năm 19jj (có đơn xin vắng mặt) và bà Dương K L, sinh năm 19xx (có đơn xin vắng mặt); Cùng địa chỉ: Căn hộ số 7.b, Lô n Chung cư abc, số 51j đường K, phường A, quận B, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lim T L, sinh năm 19jj; Địa chỉ: số 3 đường L, Phường l, Quận m, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn A K, sinh năm 19jj (có đơn xin vắng mặt); Địa chỉ: số 40 Lô K, Cư xá T, Phường m, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Hỷ T D và bản tự khai của các bên đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

** Nguyên đơn là bà Hỷ T D có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Hỷ T D là bạn bè với ông Quách K A và bà Dương K L. Ngày 25/11/2022, bà Hỷ T D ký kết Hợp đồng vay tiền với ông Quách K A và bà Dương K L tại Văn phòng công chứng Đồng T H với nội dung: bà D cho ông A và bà L vay số tiền 3.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày hợp đồng này được công chứng, lãi suất là 1.5%/tổng số tiền cho vay/tháng. Thực hiện hợp đồng vay tiền, bà Dung đã giao đủ cho ông A và bà L số tiền 3.200.000.000 đồng vào ngày 25/11/2022 bằng tiền mặt nhưng không lập biên bản giao nhận tiền gì. Sau đó, ông A và bà L nhiều lần không đóng tiền lãi và cũng không thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận.

Ngày 10/02/2023, ông A và bà L có viết giấy tay cam kết trả cho bà D mỗi tháng 60.000.000 đồng, trả trước 12 tháng nhưng sau đó cũng không thực hiện đúng cam kết. Tính đến nay, bà D chưa nhận được bất kỳ khoản tiền nào mà ông A, bà Linh trả cho bà D.

Tại Tòa án, bà Hỷ T D yêu cầu Tòa án buộc ông Quách K A và bà Dương K L trả cho bà Hỷ T D số tiền nợ gốc là 3.200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày khởi kiện là ngày 12/3/2024 cho đến khi Tòa án xét xử.

Bà D xác định số tiền bà D cho ông A và bà L vay là tài sản chung của bà D và chồng bà D là ông Lim T L. Bà Dung chỉ yêu cầu ông Quách Kiện An và bà Dương Khiết Linh trả số tiền gốc và lãi nêu trên mà không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ. Bà Dung không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai khác tham gia tố tụng.

** Bị đơn là ông Quách K A và bà Dương K L trình bày:*

Trước đây, ông Quách K A và bà Dương K L có vay tiền của bà Hỷ T D nhiều lần với nhiều số tiền khác nhau nhưng không có lập văn bản gì. Sau đó ông A, bà L với bà D thống nhất lại số tiền ông A và bà L nợ bà D là 3.200.000.000 đồng nên các bên mới ký và thống nhất các thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 25/11/2022. Theo hợp đồng vay tiền ngày 25/11/2022 thì ông A, bà L vay của bà D số tiền 3.200.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 năm từ ngày hợp đồng vay tiền được công chứng; lãi suất 1.5%/tổng số tiền cho vay/tháng.

Từ tháng 11/2022 đến tháng 9/2023, ông A và bà L đã trả cho bà D số tiền lãi là 60.000.000 đồng/tháng, có khi trả tiền mặt không lập biên bản giao nhận tiền, có khi bà L chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng S của bà L đến tài khoản ngân hàng của bà D nên không nhớ rõ con số cụ thể; tháng 10/2023, ông A và bà L đã trả cho bà D số tiền lãi là 50.000.000 đồng/tháng, không nhớ rõ trả tiền mặt hay chuyển khoản, nếu trả tiền mặt thì không lập biên bản giao nhận tiền, nếu chuyển khoản thì chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng S của bà L đến tài khoản ngân hàng của bà D; tháng 11/2023, ông A và bà L đã trả

cho bà D số tiền lãi là 40.000.000 đồng/tháng, không nhớ rõ trả tiền mặt hay chuyển khoản, nếu trả tiền mặt thì không lập biên bản giao nhận tiền, nếu chuyển khoản thì chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng S của bà L đến tài khoản ngân hàng của bà D; tháng 12/2023, ông A và bà L đã trả cho bà D số tiền lãi là 30.000.000 đồng/tháng, không nhớ rõ trả tiền mặt hay chuyển khoản, nếu trả tiền mặt thì không lập biên bản giao nhận tiền, nếu chuyển khoản thì chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng S của bà L đến tài khoản ngân hàng của bà D, việc này sẽ cung cấp cho Tòa án trong các buổi làm việc tiếp theo.

Tại Tòa án, ông Quách K A và bà Dương K L đồng ý trả cho bà Hỷ T D số tiền vốn vay 3.200.000.000 đồng với phương thức trả dần, mỗi tháng trả số tiền 1.000.000 đồng; ông A và bà L đồng ý trả tiền lãi tính theo quy định của pháp luật từ ngày bà D khởi kiện cho đến khi trả xong nợ. Đối với số tiền lãi mà ông A và bà L đã trả cho bà D thì ông A và bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lim T L có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông L và bà Hỷ T D là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn. Số tiền 3.200.000.000 đồng mà bà D cho ông A và bà L vay là tài sản chung của vợ chồng bà D. Ông L không tham gia trong việc bà D cho ông A và bà L vay số tiền 3.200.000.000 đồng nhưng sau này bà D có nói lại nên biết. Ông L đồng ý với toàn bộ ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà D, ông L không có ý kiến hay yêu cầu gì khác trong vụ án này.

* Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn là ông Quách K A, bà Dương K L có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn cũng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu tiền vốn vay:

Bà Hỷ T D với vợ chồng ông Quách K A, bà Dương K L cùng thống nhất là ông A, bà L hiện nay còn nợ bà D số tiền vốn vay là 3.200.000.000 đồng, lời khai sự thừa nhận của các đương sự và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với số tiền và thời gian được ghi trong hợp đồng vay tiền ngày 25/11/2022 tại Văn phòng công chứng Đồng T H và giấy tay cam kết trả dần của ông A, bà L. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền vay là 3.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông A, bà L không trả số tiền đã vay cho bà D, theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ số tiền và đúng hạn, nhưng đã quá thời hạn thanh toán mà không trả nợ là vi phạm và gây thiệt hại cho phía nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử buộc ông Quách K A, bà Dương K L trả cho bà Hỷ T D số tiền vốn vay là 3.200.000.000 đồng; không chấp nhận đề nghị của ông A và bà L về việc trả số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho bà D cho đến khi trả hết số nợ vay.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi:

Bà Hỷ T D yêu cầu vợ chồng ông Quách K A, bà Dương K L trả tiền lãi từ ngày khởi kiện là ngày 12/3/2024 cho đến khi Tòa án xét xử (ngày 08/8/2024) là: 3.200.000.000 đồng x 04 tháng 28 ngày x 10%/năm = 131.214.000 đồng. Vợ chồng ông A và bà L cũng đồng ý trả tiền lãi từ ngày khởi kiện là ngày 12/3/2024 cho đến khi Tòa án xét xử (ngày 08/8/2024) với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của bà D, buộc ông Quách K A, bà Dương K L trả cho bà Hỷ T D số tiền lãi 131.214.000 đồng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Liên quan đến số tiền lãi từ tháng 11/2022 đến hết tháng 12/2023 mà vợ chồng ông A, bà L cho rằng trước đây có trả cho bà D thì Tòa án đã thông báo quyền, nghĩa vụ của ông A, bà D nhưng ông, bà không thực hiện cũng như không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và tài liệu được công bố tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về án phí:*

- Ông Quách K A và bà Dương K L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận;

- Hoàn lại cho bà Hỷ T D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hỷ T D:

Buộc ông Quách K A và bà Dương K L liên đới trả cho bà Hỷ T D tổng số tiền là 3.331.214.000 (ba tỷ, ba trăm ba mươi mốt triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng) theo hợp đồng vay tiền ngày 25/11/2022 tại Văn phòng công chứng Đồng T H và giấy tay cam kết trả nợ. Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, ông Quách K A, bà Dương K L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Quách K A, bà Dương K L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 98.624.280 đồng (chín mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

Hoàn lại cho bà Hỷ T D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.760.000 đồng (năm mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012062 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hải